

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2 – CẦN THƠ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **08/2025/KDTM - ST**

Ngày: 17/9/2025

V/v tr/c: *Hợp đồng thuê tài chính*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - CẦN THƠ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đặng Thị Huệ**

Các Hội thẩm nhân dân

- Ông Huỳnh Văn Nhân

- Bà Trần Vĩnh Hạnh

Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Linh Chi** – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Cần Thơ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 – Cần Thơ tham gia phiên tòa: ông Tạ Bá Nhịn – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Cần Thơ, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án KDTM thụ lý số 05/2025/TLST-KDTM ngày 20 tháng 02 năm 2025 về việc “*Tranh chấp hợp đồng thuê tài chính*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 111/2025/QĐ-ST ngày 11/8/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 140/2025 ngày 29/8/2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty TNHH Một thành viên C1 Ngân hàng S.

Địa chỉ: Tầng A, Tầng B Tòa nhà S N, phường V, Quận C, thành phố Hồ Chí Minh

Đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Chí T – Tổng giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: ông Lưu Tấn P (có mặt).

Bị đơn: Công ty TNHH C1 (vắng mặt).

Địa chỉ: A N, phường A, quận B, thành phố Cần Thơ

Đại diện theo pháp luật: bà Lý Thị Minh C – Giám đốc.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết, nguyên đơn, đại diện ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Nguyên đơn – Công ty TNHH MTV C1 có cho Công ty TNHH MTV C1 (gọi tắt là công ty M) thuê tài sản thông qua hợp đồng cho thuê tài chính ngày 17/4/2024, gồm các tài sản:

01 máy đào bánh xích, nhãn hiệu Lovol, model FR8E2, mới 100%, sản xuất năm 2023/2024, xuất xứ Trung Quốc;

02 máy đào bánh xích, nhãn hiệu Lovol, model FR150D, mới 100%, sản xuất năm 2023/2024, xuất xứ Trung Quốc.

Theo hợp đồng, phía nguyên đơn đã bàn giao các tài sản nêu trên cho công ty M sử dụng, công ty M có nghĩa vụ thanh toán gốc lãi hàng tháng theo lịch thanh toán mà phía nguyên đơn gửi đến.

Quá trình thực hiện hợp đồng, công ty M đã nhiều lần vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền thuê và lãi chậm thanh toán của hợp đồng cho thuê tài chính nêu trên. Do vậy, nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu: Chấm dứt hợp đồng cho thuê tài chính đã ký với bị đơn ngày 17/4/2024; Buộc công ty M phải có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền còn nợ theo hợp đồng, tạm tính đến ngày 24/01/2025 là 3.485.465.200 đồng, trong đó nợ gốc là 3.225.760.300 đồng, lãi trong hạn 56.617 đồng, lãi quá hạn 4.966.200 đồng, giá trị mua lại 26.975.000 đồng, phí thanh lý trước hạn 225.803.200 đồng, tiền ký cược 54.657.000 đồng.

Trường hợp bị đơn không thanh toán được nợ, yêu cầu bị đơn dừng ngay việc sử dụng tài sản và giao trả ngay cho nguyên đơn các tài sản thuê để tiến hành thanh lý, xử lý nợ.

Phía bị đơn – Công ty TNHH X: Đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do, do vậy Tòa án tiến hành các thủ tục tố tụng đưa vụ án ra xét xử vắng mặt đối với phía bị đơn theo quy định.

Tại phiên tòa;

Bị đơn vắng mặt.

Đại diện nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc buộc bị đơn phải tiếp tục thanh toán số nợ còn thiếu theo hợp đồng thuê tài chính là 3.686.773.600 đồng (gồm: nợ gốc 3.225.760.300 đồng, lãi trong hạn 241.993.500 đồng, lãi quá hạn 65.112.300 đồng, giá trị mua lại 26.975.000, phí thanh lý trước hạn 225.803.200 đồng). Nguyên đơn đồng ý giảm bỏ không yêu cầu bị đơn trả phí thanh lý trước hạn 225.803.200 đồng và giá trị mua lại 26.975.000. Hiện các tài sản cho thuê nguyên đơn đã thu về và đang ký hợp đồng đầu giá tài sản làm cơ sở thanh lý.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 – Cần Thơ phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân khu vực 2 – Cần Thơ thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án và các đương sự thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Các tài liệu chứng cứ nguyên đơn cung cấp cho thấy nguyên đơn có cho bị đơn thuê các tài sản thuộc sở hữu của nguyên đơn thông qua hợp đồng cho thuê tài chính, có thỏa thuận lộ trình thanh toán theo hợp đồng. Tuy nhiên quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn không thanh toán được tiền thuê theo thỏa thuận đã ký kết. Do vậy nguyên đơn thu hồi lại tài sản cho thuê, khởi kiện yêu cầu chấm dứt hợp đồng cho thuê tài chính, buộc bị đơn trả số tiền còn nợ là có căn cứ. Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ kết quả được thẩm tra công khai tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Do không thực hiện được việc tổng đạt trực tiếp văn bản tố tụng cho phía bị đơn, nên để đảm bảo thủ tục tố tụng, Tòa án tiến hành niêm yết các thông báo triệu tập đối với bị đơn theo quy định. Nay căn cứ các Điều 179, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, căn cứ các thủ tục đã được tiến hành hợp lệ, Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt đối với bị đơn là hoàn toàn phù hợp.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Xác định tranh chấp trong vụ kiện là tranh chấp kinh doanh thương mại về “*Hợp đồng thuê tài chính*”, phát sinh trong hoạt động tín dụng, cho vay tài chính của pháp nhân có đăng ký kinh doanh. Hoạt động này do Bộ luật dân sự, Luật các tổ chức tín dụng, Nghị định của Chính phủ (quy định về hoạt động của công ty tài chính) điều chỉnh. Phía bị đơn là pháp nhân có trụ sở tại phường A, quận B (nay là phường B, thành phố Cần Thơ), nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Cần Thơ theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

[3.1] Tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cho thấy giữa nguyên đơn và bị đơn có ký hợp đồng cho thuê tài chính số SBL010202404017 ngày 17/4/2024, thời gian thuê là 48 tháng, lãi suất cố định là 9,5%/năm áp dụng kể từ ngày nhận nợ đến hết ngày 31/10/2024. Theo đó, nguyên đơn cho bị đơn thuê 03 máy xây dựng gồm: 01 máy đào bánh xích, nhãn hiệu Lovol, model FR8E2, mới 100%, sản xuất năm 2023/2024, xuất xứ Trung Quốc và 02 máy đào bánh xích, nhãn hiệu Lovol, model FR150D, mới 100%, sản xuất năm 2023/2024, xuất xứ Trung Quốc, có tổng giá trị là 5.395.000.000, tài sản do nguyên đơn nắm giữ quyền sở hữu trong suốt thời hạn cho thuê. Hợp đồng nêu trên, phía bị đơn đặt cọc 1.618.500.000 đồng, số tiền còn lại do nguyên đơn giải ngân cho bị đơn vay (3.776.500.000 đồng). Tài sản thuê đã được giao cho bị đơn sử dụng từ ngày 26/4/2024, trên cơ sở biên bản bàn giao và nghiệm thu tài sản. Theo thỏa thuận tại hợp đồng thuê tài chính, phía bị đơn sử dụng tài sản thuê và thanh toán tiền thuê, lãi chậm thanh toán phát sinh trong suốt thời hạn thuê theo lịch thanh toán phát hành kèm hợp đồng thuê. Tuy nhiên, quá trình thực hiện hợp đồng từ khi nhận tài sản thuê, phía bị đơn chỉ thực hiện trả tiền thuê được 08 kỳ theo lịch thanh toán và kể từ kỳ thanh toán thứ 9 vào tháng 12/2024 phía bị đơn không tiếp tục thanh toán đến nay. Nguyên đơn đã nhiều lần gửi thông báo nhắc nhở, thông báo về việc chấm dứt hợp đồng cho thuê trước thời hạn và thu hồi tài sản thuê nhưng phía bị đơn vẫn vi phạm. Do vậy, nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chấm dứt hợp đồng thuê trước hạn và thu hồi tài sản thuê là có

căn cứ theo quy định tại khoản 8, khoản 9 Điều 17, Điều 21 Nghị định số 39/2014/NĐ-CP ngày 07/5/2014 của Chính phủ quy định về hoạt động của công ty tài chính. Tính đến ngày 17/9/2025, số tiền bị đơn còn nợ nguyên đơn là 3.686.773.600 đồng (gồm: nợ gốc 3.225.760.300 đồng, lãi trong hạn 241.993.500 đồng, lãi quá hạn 65.112.300 đồng, giá trị mua lại 26.975.000, phí thanh lý trước hạn 225.803.200 đồng). Tuy nhiên, tại phiên tòa nguyên đơn đồng ý giảm bỏ không yêu cầu bị đơn thanh toán phí thanh lý trước hạn là 225.803.200 đồng và giá trị mua lại 26.975.000. Đây là sự tự nguyện của nguyên đơn nên có cơ sở để ghi nhận. Như vậy, số tiền bị đơn còn phải thanh toán cho nguyên đơn là 3.403.995.400 đồng.

[3.2] Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn có đơn yêu cầu được thu hồi tài sản cho thuê và đã thu hồi xong. Nguyên đơn tiếp tục yêu cầu thẩm định giá thị trường đối với các tài sản nêu trên để xác định giá trị còn lại của tài sản. Tại báo cáo kết quả thẩm định giá số 480/2025 ngày 01/4/2025 của công ty CP T1 đã xác định giá trị còn lại của 03 tài sản nêu trên là 3.173.000.000 đồng. Hiện phía nguyên đơn đang tiếp tục ký hợp đồng đấu giá với Công ty Đ, để đưa ra đấu giá, làm cơ sở thanh lý các tài sản nêu trên.

Việc thu hồi lại tài sản và ký hợp đồng đấu giá để xử lý tài sản của phía nguyên đơn là phù hợp với quy định của pháp luật, nên có căn cứ để ghi nhận. Trường hợp đấu giá thành công các tài sản trên, số tiền thu được từ việc bán tài sản sẽ được xem xét cân trừ nợ cho phía bị đơn tại giai đoạn thi hành án. Số tiền còn nợ lại (nếu có), bị đơn có nghĩa vụ tiếp tục trả cho đến khi dứt nợ.

[4] Chi phí thẩm định giá tài sản là 32.400.000 đồng, chi phí này do nguyên đơn đã tạm ứng trước, nay yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải trả chi phí này cho nguyên đơn.

[5] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về thủ tục tố tụng và nội dung vụ án là phù hợp quan điểm của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

[6] Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Bị đơn phải chịu án phí trên số tiền phải trả cho nguyên đơn.

Nguyên đơn được chấp nhận yêu cầu nên được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã đóng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 157, 228 và 271 Bộ luật tố tụng dân sự.

Các Điều: 472, 476, 481, 482 Bộ luật dân sự 2015

Các Điều từ 90- 95 Luật Các tổ chức tín dụng.

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Chấm dứt hợp đồng cho thuê tài chính ký số SBL010202404017 ký ngày 17/4/2024 giữa Công ty TNHH Một thành viên C1 cho thuê tài chính Ngân hàng S và Công ty TNHH C1.

- Buộc phía bị đơn có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn số tiền thuê tài sản còn nợ là: 3.403.995.400 đồng (ba tỉ, bốn trăm lẻ ba triệu, chín trăm chín mươi lăm ngàn, bốn trăm đồng).

- Ghi nhận việc nguyên đơn không yêu cầu bị đơn trả số tiền: 252.778.200 đồng (giá trị mua lại 26.975.000 và phí thanh lý trước hạn 225.803.200 đồng).

- Kể từ sau ngày 17/9/2025 phía bị đơn vẫn phải chịu tiền lãi phát sinh trên số tiền phải trả nguyên đơn, theo lịch thanh toán phát hành kèm hợp đồng thuê cho đến khi trả dứt nợ.

- Ghi nhận việc nguyên đơn đã thu hồi tài sản thuê là 03 máy xây dựng gồm: 01 máy đào bánh xích, nhãn hiệu Lovol, model FR8E2, sản xuất năm 2023/2024, xuất xứ Trung Quốc và 02 máy đào bánh xích, nhãn hiệu Lovol, model FR150D, sản xuất năm 2023/2024.

2. Chi phí thẩm định tài sản: Bị đơn phải trả cho nguyên đơn: 32.400.000 đồng.

3. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Bị đơn phải chịu: 100.080.000 đồng (một trăm triệu, không trăm tám mươi ngàn đồng).

- Nguyên đơn được nhận lại 50.855.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã đóng theo biên lai thu số 0001491 ngày 14/02/2025 tại Phòng thi hành án dân sự Khu vực 2 – Cần Thơ (tên trước đây là Chi cục thi hành án dân sự quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ).

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhân:

- Đương sự;
- VKSND KV2-CT
- VKSND TPCT;
- TAND TPCT;
- Phòng THA DS KV2 - CT
- Lưu hồ sơ

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Huệ

